TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/DS-PT
Ngày: 21 - 01 - 2022
V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Dũ.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Toàn

Bà Tôn Thị Thanh Thúy

***Thư ký phiên toà*:** Ông Châu Trần Nhật Nguyên – Thẩm tra viên Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Nghiệp - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2021/TLPT-DS, ngày 11 tháng 5 năm 2021, về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2021/DS-ST ngày 19/3/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 98/2021/QĐ-PT ngày 08 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn K (đã chết)

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Huỳnh Văn K:

+ Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1973. Địa chỉ: phường m, quận t, thành phố Hồ Chí Minh.

+ Bà Huỳnh Thị P, sinh năm 1974. Địa chỉ: khóm b, phường m, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

+ Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1975. Địa chỉ: ấp T, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

+ Ông Huỳnh Văn S, sinh năm 1978. Địa chỉ: Hương lộ H, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

+ Ông Huỳnh Cảo K, sinh năm 1985. Địa chỉ: Hương lộ H, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

+ Bà Huỳnh Thị B, sinh năm 1986. Địa chỉ: Hương lộ H, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

* Người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Văn T, bà Huỳnh Thị P, ông Huỳnh Văn S, ông Huỳnh Cảo K, bà Huỳnh Thị B: Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1975. Địa chỉ: ấp T, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng *(theo văn bản ủy quyền ngày 08/11/2018 và ngày 19/11/2018).*

Người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Văn T: Ông Lê Hoàng Đ, sinh năm 1963. Địa chỉ: ấp T, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hoàng Văn Q, Luật sư Văn phòng Luật sư H, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Sóc Trăng. Địa chỉ: đường L, Phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

- Bị đơn: Ông Lý K, sinh năm 1954. Địa chỉ: ấp T, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Dương Thị Kim T, sinh năm 1975. Địa chỉ: ấp T, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

+ Ông Lâm H, sinh năm 1972. Địa chỉ: đường số B, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Ngưởi đại diện theo ủy quyền của bà Tý và ông Hòa: Ông Lý Hoài P, sinh năm 1974. Địa chỉ: đường số B, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

- Người kháng cáo: Ông Huỳnh Văn T là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27/12/2016 (Bút lục 20), nguyên đơn là ông Huỳnh Văn K cũng như quá trình giải quyết vụ án (Các bút lục 39, 42, 279) và tại phiên tòa sơ thẩm, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn là anh Huỳnh Văn T (Anh Tỷ đồng thời là đại diện theo ủy quyền của những người khác cùng kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông K) và người đại diện theo ủy của ông Tỷ trình bày:

Ông Huỳnh Văn K có quyền sử dụng 641m^2 đất thuộc thửa 512, tờ bản đồ số 10; tọa lạc tại ấp Tân Nam, xã Vĩnh Tân, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng; ông K đã được Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Châu (Nay là thị xã Vĩnh Châu) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 141706 ngày 12/5/1997.

Nguồn gốc quyền sử dụng đất trên do ông K nhận chuyển nhượng của cụ Lâm Xài K2 từ khoảng năm 1982, khi các bên chuyển nhượng thì không làm văn bản, chỉ thỏa thuận bằng lời nói và có ông Lê L (Lê Thanh L) - là Trưởng Ban nhân dân ấp T chứng kiến; thời điểm chuyển nhượng, cụ K2 với ông K không đo đạc

cắm mốc, chỉ thỏa thuận mua 01 nền từ trước ra sau và ông K đã cất nhà để ở, phần đất phía sau căn nhà về hướng Nam thì bỏ trống, không sử dụng, chỉ sử dụng từ vách nhà sau trở về trước ở hướng Bắc.

Giáp với đất của ông K ở hướng Đông là nhà, đất của cụ Lâm Xài K2, cụ K2 đã cho ông Lý K căn nhà này từ khoảng năm 2006. Sau khi được cụ K2 cho căn nhà, ông K1 đã xây sửa lại trên nền nhà cũ của cụ K2 và lấn chiếm 84,8m^2 đất của ông K, xây toilet trên phần đất lấn chiếm nhưng ông K không hay biết. Đến năm 2009, con của ông K là anh Huỳnh Văn T từ Thành phố Hồ Chí Minh về mới phát hiện việc ông K1 lấn chiếm đất nhưng năm 2014 mới khởi kiện, sau đó rút đơn kiện và đến nay khởi kiện lại vụ án yêu cầu Tòa án buộc phía bị đơn Lý K tháo dỡ nhà phụ, nhà vệ sinh để trả lại quyền sử dụng đất lấn chiếm nêu trên cho ông K.

Tài liệu, chứng cứ mà phía nguyên đơn giao nộp là bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Bút lục 22), hồ sơ hòa giải tại cấp xã kèm theo Phiếu chuyển hồ sơ ngày 26/12/2016 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Tân (Bút lục 01 đến 18); Trích lục khai tử của ông Huỳnh Văn K, cụ Tăng Thị C, cụ Huỳnh C, bà Dương Mỹ I và Tờ khai quan hệ thừa kế theo pháp luật của ông K (Bút lục 179 đến 184); Tờ ủy quyền cùng ngày 24/9/2018 của anh T, chị P, anh S, anh K và chị B (Bút lục 223 đến 226).

- Tại Bản tự khai ngày 08/02/2017 (Bút lục 52), Biên bản lấy lời khai ngày 16/3/2017 (Bút lục 58) và ngày 23/8/2017 (Bút lục 67) cũng như quá trình giải quyết vụ án (Các bút lục 62, 279) và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là ông Lý K trình bày:

Nguồn gốc quyền sử dụng đất tranh chấp là của cụ Lâm Xài K2, tên gọi khác là Lâm Xài K. Cụ K2 là ông cậu của bà Trần Thị Ca, bà Ca là vợ trước của ông K1 nhưng đã chết từ năm 1990. Ông K1 sống với cụ K2 từ năm 1987, bà Trần Thị Ca chết, ông K1 cưới bà Dương Thị Kim T và vẫn được cụ K2 cho vợ chồng ông K1 ở nhờ. Cụ K2 có vợ nhưng không có con, vợ của cụ K2 chết trước cụ K2 khoảng 20 năm. Trước khi cụ K2 chết khoảng năm 2010, có lập di chúc cho ông K1 và ông Lâm H thừa kế nhà, đất của cụ K2.

Nhà và công trình phụ do cụ K2 cất từ xưa dạng nhà lá, sử dụng ổn định, không xảy ra tranh chấp với ai, cụ K2 và ông K1 có sửa chữa vào năm 2002; ông K1 chỉ tiếp tục sửa chữa, nâng cấp xây dựng theo hiện trạng cũ. Ông Lý K không đồng ý với yêu cầu của ông K, đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông K.

Cùng với các lý lẽ của mình, bị đơn đã xuất trình bản Fotocoppy Biên bản về việc tư vấn giải quyết tranh chấp đất đai ngày 15/12/2016 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Tân (Bút lục 60), "Tờ duy chúc" của cụ K2 được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Tân (Bút lục 121).

- Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Dương Thị Kim T trình bày: Hoàn toàn thống nhất ý kiến của ông Lý K, không bổ sung gì thêm, không yêu cầu gì khác; không giao nộp tài liệu, chứng cứ.

- Tại Biên bản lấy lời khai ngày 03/12/2020 (Bút lục 254), người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lâm H cũng như quá trình giải quyết vụ án (Bút lục 278) và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông H là bà Lý Hoài P trình bày:

Ông Hòa là cháu của cụ Lâm Xài K2 (Tên gọi khác là Lâm Xài K2), ông Hòa gọi cụ K2 là ông ngoại nhưng thực chất là ông cậu. Ngày 12/10/2003, cụ K2 đã lập di chúc để lại cho ông H với ông K1 nhà và đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 141702, ngày 12/5/1997 của Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Châu (Nay là thị xã Vĩnh Châu). Sau khi cụ K2 chết, nhà và đất nêu trên do ông K1 quản lý sử dụng, ông H cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh nên chưa sử dụng nhà, đất được cụ K2 cho hưởng thừa kế. Ông H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông K và việc khai nhận, đăng ký sử dụng đất do được thừa kế sẽ thực hiện theo thủ tục chung.

Tài liệu, chứng cứ ông Lâm H giao nộp là bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 141702, ngày 12/5/1997 của Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Châu (Bút lục 246).

Sự việc được Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu thụ lý, giải quyết. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2021/DS-ST ngày 19/3/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng, đã quyết định:

Căn cứ vào Khoản 9 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 và Khoản 2 Điều 143, Khoản 3 Điều 144, Khoản 1 Điều 147, Khoản 1 Điều 157, Điều 158, Khoản 1 Điều 165, Điều 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Khoản 24 Điều 3, Khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai;

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 26, điểm b Khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn K đối với phía bị đơn Lý K, về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"* có đặc điểm, diện tích, vị trí theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ được nêu tại Căn cứ thứ nhất trong Mục [2] Phần Nhận định của Tòa án tại Bản án, cụ thể: "Hướng Đông: Giáp vách nhà ông Lý K đang sử dụng và phần đất trống sau nhà ông K1 (Phía Nam), có số đo 14,67m (Trong đó, phần từ vách sau nhà ông K đến cột bê tông do ông K cặm sau nhà ông K1 là 4,73m và phần từ cột bê tông này về hướng Nam, đến cột đá cặm dưới mương nước là 9,94m).

Hướng Tây: Giáp đất của ông Trần Sến, cạnh hướng Tây này có số đo là 14,68m (Tính từ thềm xây sau nhà ông K kéo về hướng Nam đến cột đá do ông K cặm).

Hướng Nam: Giáp phần đất trống, có số đo là 5,12m (Tính từ cột đá hướng Đông kéo sang hướng Tây, đến cột đá do ông K cặm); phần đất trống này không xác định được người sử dụng và số thửa đất.

Hướng Bắc: Giáp vách sau nhà của ông K, số đo là 6,38m (Đo từ vách tường nhà ông K ở hướng Đông, sát vách nhà ông K1 kéo về hướng Tây, đến thềm xây nhà ông K giáp ranh với đất của ông Trần Sến sử dụng).

Diện tích đất tranh chấp là 84,8m^2"

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí trích lục hồ sơ, thẩm định, định giá, án phí sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 31/3/2021, ông Huỳnh Văn T kháng cáo bản án sơ thẩm nêu trên yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại toàn bộ bản án sơ thẩm theo chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ông Huỳnh Văn T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp nguyên đơn trình bày các yêu cầu của nguyên đơn, các chứng cứ chứng minh cơ quan hành chính Nhà nước vi phạm về trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần nền nhà ông K mua của ông K2 từ năm 1982 và cuối cùng đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát là trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm thì Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng chấp hành pháp luật về tố tụng và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ông Huỳnh Văn T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thủ tục tố tụng:

[1] Tại phiên tòa, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên theo thủ tục chung.

[2] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo của ông Huỳnh Văn T gửi đến Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu vào ngày 31/3/2021 là hợp lệ, đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định của các điều 271, 272, 273 và 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

* Về nội dung:

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của

nguyên đơn ông Huỳnh Văn T thì thấy rằng: Phần đất tranh chấp qua kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án cấp sơ thẩm, trên cơ sở do các đương sự thống nhất chỉ ranh, như sau: Hướng Đông: Giáp vách nhà ông Lý K đang sử dụng và phần đất trống sau nhà ông K1 (Phía Nam), có số đo 14,67m (Trong đó, phần từ vách sau nhà ông K đến cột bê tông do ông K cặm sau nhà ông K1 là 4,73m và phần từ cột bê tông này về hướng Nam, đến cột đá cặm dưới mương nước là 9,94m). Hướng Tây: Giáp đất của ông Trần Sến, cạnh hướng Tây này có số đo là 14,68m (Tính từ thềm xây sau nhà ông K kéo về hướng Nam đến cột đá do ông K cặm). Hướng Nam: Giáp phần đất trống, có số đo là 5,12m (Tính từ cột đá hướng Đông kéo sang hướng Tây, đến cột đá do ông K cặm); phần đất trống này không xác định được người sử dụng và số thửa đất. Hướng Bắc: Giáp vách sau nhà của ông K, số đo là 6,38m (Đo từ vách tường nhà ông K ở hướng Đông, sát vách nhà ông K1 kéo về hướng Tây, đến thềm xây nhà ông K giáp ranh với đất của ông Trần Sến sử dụng). Diện tích đất tranh chấp là 84,8m^2; cùng với tài sản trên đất: Một phần (3,42m^2) của nhà phụ (Nhà tạm) thuộc sở hữu của ông Lý K; phần nhà phụ này có kết cấu nền đất, vách lá, mái tole fibroximang; nhà vệ sinh kết cấu tường xây gạch 10cm, mái tole fibroximang, xí xổm, hầm cầu bằng ống bê tông đúc sẵn, nền gạch Ceramic 200x200, hồ nước xây gạch; nhà vệ sinh này có diện tích 3,95m^2 và 03 cây tra mọc tự nhiên.

[4] Ngày 06/3/2021, Tòa án sơ thẩm đã tiến hành kiểm tra, khảo sát, đo đạc tổng thể quyền sử dụng đất có liên quan đất phần đất tranh chấp, đã thể hiện: Toàn bộ diện tích đất mà ông K cất nhà ở hiện nay là 149,5m^2 (Giáp với hướng Bắc phần đất tranh chấp); toàn bộ phần đất do gia đình ông Lý K đang sử dụng là 217,44m^2 (Phần này không tranh chấp); toàn bộ diện tích đất ông K cất nhà ở, ông K1 đang sử dụng và phần đất tranh chấp là 451,74m^2. Tài sản trên đất chỉ còn căn nhà vệ sinh do ông K1 quản lý, sử dụng, và còn lại 02 cây tra ngoài ra không còn tài sản nào khác (bút lục số 318, 319).

[5] Tại Văn bản số 173/CV-CN.VPĐKDĐĐ ngày 20/7/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Vĩnh Châu về xác nhận kết quả đo đạc theo yêu cầu của Tòa án, có nội dung: *"Hiện trạng phần đất tranh chấp (84,8m^2) được đo đạc theo tọa độ giả định và bản đồ địa chính trước đây được thành lập bằng phương pháp ảnh hàng không và mốc tọa độ hiện nay không còn nên không có cơ sở xác định phần đất nêu trên thuộc thửa đất nào."* (bút lục 104). Như vậy, theo cơ quan chuyên môn đã xác định phần đất tranh chấp nêu trên không thể xác định chính xác được thuộc thửa đất nào. Tuy nhiên, Tòa án vẫn phải căn cứ vào kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ đối với phần đất tranh chấp do các đương sự chỉ ranh để giải quyết theo quy định, sau khi có kết quả giải quyết thì cơ quan quản lý đất đai sẽ tiến hành chỉnh bản đồ địa chính theo quy định của pháp luật về đất đai.

[6] Nguyên đơn cho rằng phần đất tranh chấp nằm trong thửa 512 mà ông nhận chuyển nhượng của cụ Lâm Xài K2 từ khoảng năm 1982, khi các bên chuyển nhượng thì không làm văn bản, chỉ thỏa thuận bằng lời nói và có ông Lê Lù (Lê Thanh Lù) - là Trưởng Ban nhân dân ấp Tân Nam chứng kiến; thời điểm chuyển nhượng, cụ K2 với ông K không đo đạc cắm mốc, chỉ thỏa thuận mua 01 nền từ

trước ra sau và ông K đã cất nhà để ở, phần đất phía sau căn nhà về hướng Nam thì bỏ trống, không sử dụng, chỉ sử dụng từ vách nhà sau trở về trước ở hướng Bắc và cũng đã được UBND huyện Vĩnh Châu cấp giấy chúng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 512 nêu trên cho ông.

[7] Bị đơn thì cho rằng nhà và công trình phụ do cụ K2 cất từ xưa dạng nhà lá, sử dụng ổn định, không xảy ra tranh chấp với ai, cụ K2 và ông K1 có sửa chữa vào năm 2002; ông K1 chỉ tiếp tục sửa chữa, nâng cấp xây dựng theo hiện trạng cũ.

[8] Qua kết quả xác minh những người sinh sống tại địa phương như bà Trần Thu H, ông Huỳnh Hoàng S và nhất là ông Lê Thanh L (người được nguyên đơn cho rằng biết rõ sự việc), thì đều cho rằng phần đất tranh chấp nêu trên có nguồn gốc của ông Lâm Xài K2, trước đây ông K có nhận chuyển nhượng một nền nhà của ông K2 (giáp với phần đất tranh chấp), phần đất tranh chấp nêu trên cũng không có ai sử dụng, trên đất chỉ có căn nhà vệ sinh của ông K1 xây dựng từ khoảng năm 2002. Quá trình sử dụng đất các bên không có ai tranh chấp gì liên quan đến phần đất này (các bút lục 133, 134; 314 đến 317; 320, 321).

[9] Mặt khác, tại Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất đề ngày 06/02/1996 của ông Huỳnh Văn K cũng thể hiện phần đất thuộc thửa 512 có nguồn gốc "đất cha mẹ cho" (bút lục số 74).

[10] Từ những phân tích nêu trên cho thấy rằng, việc nguyên đơn cho rằng đã nhận chuyển nhượng toàn bộ phần đất từ ông K2, bao gồm cả phần đất tranh chấp, nhưng không được bị đơn thừa nhận và cũng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ. Qua đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ thu thập được nêu trên, thì có cơ sở xác định sự thật khách quan về quá trình sử dụng đất từ trước đến khi phát sinh tranh chấp, thì thấy rằng nguyên đơn không có quá trình sử dụng đất đối với phần đất tranh chấp nêu trên, mà chỉ có bị đơn sử dụng một phần xây dựng căn nhà vệ sinh trên đất. Từ những căn cứ đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp theo quy định của pháp luật.

[11] Do đó yêu cầu kháng cáo của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên là ông Huỳnh Văn T là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[12] Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[13] Đề nghị của đại diện Viện kiển sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng là có cơ sở nên được chấp nhận.

[14] Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn là ông Huỳnh Văn T phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

1/ Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn là ông Huỳnh Văn T về việc yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

2/ Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 10/2021/DS-ST ngày 19/3/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng, bản án sơ thẩm được tuyên lại như sau:

"Căn cứ vào Khoản 9 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 và Khoản 2 Điều 143, Khoản 3 Điều 144, Khoản 1 Điều 147, Khoản 1 Điều 157, Điều 158, Khoản 1 Điều 165, Điều 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Khoản 24 Điều 3, Khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai;

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 26, điểm b Khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

***1.** Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn K đối với phía bị đơn Lý K, về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất" có đặc điểm, diện tích, vị trí theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ được nêu tại Căn cứ thứ nhất trong Mục [2] Phần Nhận định của Tòa án tại Bản án.*

***2.** Ông Huỳnh Văn K phải chịu chi phí trích lục hồ sơ, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản với số tiền là 2.692.480 đồng. Các chi phí này, ông K đã nộp tạm ứng và thanh toán xong.*

***3.** Ông Huỳnh Văn K phải chịu án phí dân sơ thẩm với số tiền là 1.262.548 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 đồng theo Biên lai thu số 0002742 ngày 05/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu. Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông K là anh T, chị P, anh Tỷ, anh S, anh K và chị Bố còn phải liên đới nộp bổ sung tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.062.548 đồng (Một triệu không trăm sáu mươi hai ngàn năm trăm bốn mươi tám đồng).*

***4.** Kiến nghị Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu thẩm tra, xác minh, cập nhật, chỉnh lý bản đồ địa chính đối với phần đất tranh chấp nêu trên cũng như phần khác và các giấy chứng nhận đã cấp có liên quan theo thủ tục chung quy định tại Khoản 2 Điều 24, Điều 31 của Luật Đất đai và Khoản 1 Điều 5 của Nghị định 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ."*

3. Án phí phúc thẩm: Ông Huỳnh Văn T phải chịu án phí phúc thẩm 300.000 đồng. Khấu trừ số tiền ông Tỷ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009442 ngày 08/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu. Như vậy, ông Tỷ đã nộp xong án phí phúc thẩm.

4. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Văn Dũ

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Các đương sự;
- Lưu: HS-VP.